

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

TUẦN: 24 & 26 /HK2

GVTH: LÊ THỊ PHƯƠNG

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

CHỦ ĐỀ 3: ĐỊA LÝ CÁC NGÀNH KINH TẾ (tt)

III. *Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.*

1. Vấn đề phát triển và phân bố giao thông vận tải, thông tin liên lạc (Bài 30)

2. Vấn đề phát triển thương mại, du lịch. (Bài 31)

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 12 chương trình cơ bản:

Nội dung 1.: Vấn đề phát triển và phân bố giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Đọc SGK từ trang 131 đến trang 136.

Nội dung 2. : Vấn đề phát triển thương mại, du lịch. Đọc SGK từ trang 91 đến trang 95.

Nội dung 3. Thực hành: Tìm hiểu sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc: Đọc SGK từ trang 137 đến trang 143.

2. Atlas Địa lí Việt Nam của NXB Giáo dục

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Nội dung 1. Vấn đề phát triển và phân bố giao thông vận tải, thông tin liên lạc

1. Giao thông vận tải

Loại hình	Sự phát triển	Các tuyến đường chính
Đường bộ (ô tô)	Mở rộng và hiện đại hóa Mạng lưới phủ kín các vùng. Phương tiện được nâng cao về số lượng và chất lượng. Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng nhanh. Tồn tại: mật độ và chất lượng đường còn thấp	QL1A Đường Hồ Chí Minh QL 5, 6, 9, 14...
Đường sắt	Chiều dài trên 3100 km Trước 1991, phương tiện chậm, chất lượng phục vụ còn hạn chế. Hiện nay đang được nâng cao. Khối lượng vận chuyển và luân chuyển ngày càng tăng.	Đường B – N Các tuyến khác: HN – HP HN – Lào Cai HN – Thái Nguyên
Đường sông	Chiều dài 11000 km Phương tiện vận tải khá đa dạng nhưng ít được cải tiến và hiện đại hóa. Có nhiều cảng sông với 30 cảng chính Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng.	Hệ thống sông Hồng – Thái Bình. Hệ thống sông Cửu Long – Đồng Nai. Một số sông ở miền Trung.
Đường biển	Có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, kín gió... thuận lợi cho vận tải đường biển. Nước ta có 73 cảng biển, các cảng biển liên tục được cải tạo để nâng cao công suất bốc, dỡ hàng hóa.	Hải Phòng – TP Hồ Chí Minh Hải Phòng – Đà Nẵng.

Đường hàng không	Là ngành còn non trẻ nhưng có bước tiến nhanh. Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng nhanh. Cả nước có 19 sân bay (trong đó có 5 sân bay quốc tế).	Đường bay trong nước: HN – ĐN – TPHCM và ngược lại. Một số đường bay đến các nước trong khu vực và thế giới...
Đường ống	Gắn với sự phát triển của ngành dầu khí	Phía Bắc: Tuyến đường (Bãi Cháy – Hạ Long) vận chuyển xăng dầu. Phía Nam: đường ống dẫn dầu từ thềm lục địa vào đất liền.

2. Ngành thông tin liên lạc

a. Bưu chính

- Là ngành chủ yếu mang tính phục vụ, mạng lưới rộng khắp
- Hạn chế: mạng lưới phân bố chưa đều, ở miền núi, hải đảo còn chưa phát triển, công nghệ lạc hậu, thiếu lao động có trình độ...
- Hướng phát triển: theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa...đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

b. Viễn thông

- Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại.
- Trước thời kỳ đổi mới, mạng lưới và thiết bị viễn thông còn cũ kỹ, lạc hậu, các dịch vụ viễn thông nghèo nàn.
- Những năm gần đây, tăng trưởng với tốc độ cao, trung bình > 30% năm. Điện thoại đã đến hầu hết các xã trên toàn quốc.
- Mạng lưới viễn thông của nước ta tương đối đa dạng và không ngừng phát triển: mạng điện thoại, phi thoại và truyền dẫn...

2.Vấn đề phát triển thương mại, du l

1. Thương mại

a. Nội thương:

- Phát triển sau thời kỳ Đổi mới.
- Thu hút được sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế (nhất là khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài).
- Hoạt động nội thương phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

b. Ngoại thương:

- Hoạt động ngoại thương có những chuyển biến rõ rệt.
- Về cơ cấu:
 - Trước Đổi mới nước ta là nước nhập siêu.
 - Năm 1992, lần đầu tiên cán cân xuất, nhập khẩu tiến tới thế cân đối.
 - Từ 1993 đến nay, nước ta tiếp tục nhập siêu nhưng bản chất khác trước Đổi mới.
- Về giá trị:

- Tổng giá trị Xuất nhập khẩu tăng mạnh.
- Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng.
- Hàng xuất: chủ yếu là khoáng sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, nông sản, thủy sản. Hàng chế biến hay tinh chế còn tương đối thấp và tăng chậm.
- Hàng nhập: chủ yếu là tư liệu sản xuất.
- Thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.
- Cơ chế quản lý có nhiều đổi mới.
- Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức WTO.

2. Du lịch

a. Tài nguyên du lịch:

- Khái niệm: Là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, du lịch cách mạng, các giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch.
- Các loại tài nguyên du lịch:
 - Tự nhiên: (Địa hình, khí hậu, nước, sinh vật).
 - Nhân văn: (Di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội, làng nghề, phong tục tập quán, giá trị văn hóa dân gian,...)

b. Tình hình phát triển:

- Ngành du lịch phát triển nhanh từ đầu thập kỷ 90 (thế kỷ XX) đến nay...
- Các trung tâm du lịch: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế- Đà Nẵng

III. BÀI TẬP

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Dựa vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang 23, hãy kể tên các tuyến đường chính của các đầu mối giao thông sau ở nước ta:

Đầu mối giao thông	Các tuyến đường chính					
	Ô tô	Sắt	Biển (km)		Hàng không	
			Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
Hà Nội						
Đà Nẵng						

Đầu mỗi giao thông	Các tuyến đường chính					
	Ô tô	Sắt	Biển (km)		Hàng không	
			Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
TP. Hồ Chí Minh						

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 23, hãy kể tên các cảng biển theo thứ tự từ bắc vào nam như yêu cầu sau:

STT	Cảng quốc tế	Cảng nội địa	Tỉnh/ thành phố trung ương trực thuộc	Vùng kinh tế

Câu 3: Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 23, hãy kể tên các sân bay theo thứ tự từ bắc vào nam:

STT	Sân bay quốc tế	Sân bay quốc nội (nội địa)	Tỉnh/ thành phố trung ương trực thuộc	Vùng kinh tế
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
1				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
22				

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 24 hãy tính cán cân xuất-nhập khẩu của các địa phương sau:

STT	Tỉnh/ Thành phố	Cán cân xuất-nhập khẩu (Đơn vị:)
1	Hà Nội	
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	
3	Đồng Nai	
4	Bình Dương	
5	Tp Hồ Chí Minh	

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 24 hãy kể tên các bạn hàng trong ngành ngoại thương của nước ta có qui mô trên 2 tỉ đô la Mỹ trở lên theo yêu cầu sau:

Qui mô (Tỉ đô la Mỹ)	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Từ trên 2-4		
Từ trên 4-6		
Trên 6		

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 25 hãy tính tốc độ tăng trưởng khách du lịch và doanh thu từ du lịch của nước ta qua các năm:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH
CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995-2007 (Đơn vị: %)

Năm	1995	2000	2005	2007
Khách quốc tế				
Khách nội địa				
Doanh thu				

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phát biểu nào sau đây *không* đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng. B. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.
C. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh. D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Gia Lai.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU VẬN TẢI HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA NĂM 2013 (Đơn vị: %)

Loại hình vận tải	Cơ cấu khối lượng hàng hóa	
	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	100,0	100,0
Đường sắt	0,6	1,7
Đường bộ	75,7	20,9
Đường sông	17,9	17,6
Đường biển	5,8	59,5
Đường hàng không	0,0	0,3

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Đường bộ chiếm tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất là do cự li dài.
B. Đường biển chiếm tỉ trọng khối lượng hàng hóa luân chuyển cao nhất là do cự li dài.
C. Đường sắt luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cả khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển.
D. Đường hàng không chiếm vị trí quan trọng trong khối lượng hàng hóa vận chuyển.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2005	12,8	1 173,4	156,9	6,5
2010	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2014	12,0	2 863,5	156,9	24,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số lượt hành khách vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Đường sắt tăng liên tục.
- B. Đường bộ có xu hướng giảm.
- C. Đường thủy giảm liên tục.
- D. Đường hàng không tăng liên tục.

Câu 6: Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A.** Đường sắt.
- B.** Đường bộ.
- C. Hàng không.
- D.** Đường biển.

Câu 7: Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

- A. vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn.
- B. có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.
- C. chở được những hàng hóa nặng, cồng kềnh.
- D. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.

Câu 8: Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

- A. hội nhập với mạng lưới quốc tế.
- B. phân bố đều ở các địa phương.
- C. có sự phát triển nhanh vượt bậc.
- D. áp dụng các thành tựu hiện đại.

Câu 9: Viễn thông nước ta hiện nay không phải là ngành

- A. có sự tăng trưởng với tốc độ cao.
- B chỉ tập trung phục vụ kinh doanh.
- C. sử dụng nhiều các công nghệ mới.
- D. có mạng lưới rộng rãi ở khắp nơi.

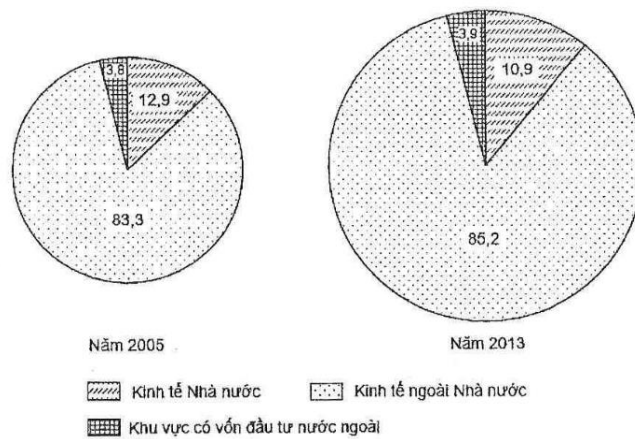
Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 6 đi qua địa điểm nào sau đây?

- A. Hà Giang.
- B Lào Cai.
- C. Mộc Châu.
- D. Nghĩa Lộ.

Câu 11: Nội thương của nước ta hiện nay

- A. đã thu hút được sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. chưa có sự tham gia của các tập đoàn bán lẻ quốc tế lớn.
- C. phát triển chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp Nhà nước.
- D. không có hệ thống siêu thị nào do người Việt quản lí.

Câu 12: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ
CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, NĂM 2005 VÀ 2013 (%)
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

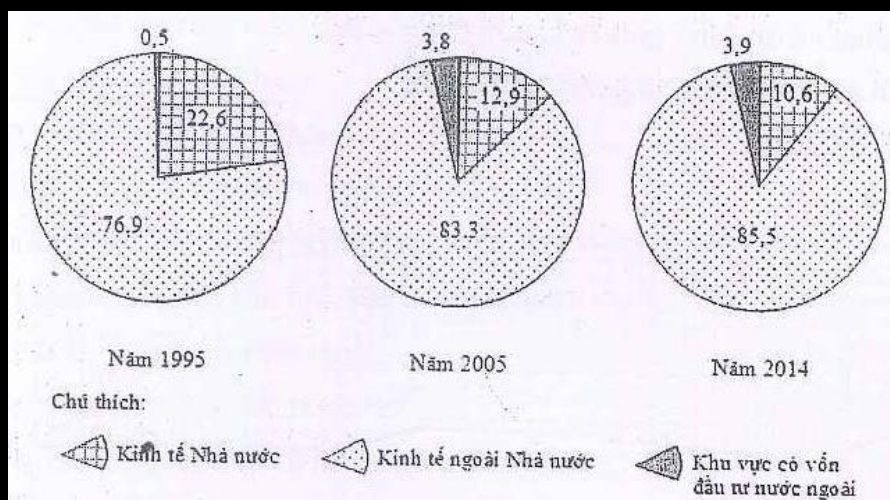
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ trọng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2013 so với năm 2005?

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, Kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế ngoài Nhà nước và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
- C. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều tăng.
- D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, Kinh tế Nhà nước giảm.

Câu 13: Nội thương của nước ta hiện nay

- A. có thị trường chính ở các vùng núi.
- B. hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm.
- C. phát triển đồng đều giữa các vùng.
- D. có các mặt hàng trao đổi đa dạng.

Câu 14: Cho biểu đồ:



Biểu đồ cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Tỷ lệ bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các thành phần kinh tế giống nhau.
- B. Thành phần kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất và có chiều hướng tăng.
- C. Thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất và chiều hướng tăng.
- D. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài tỉ trọng giảm liên tục.

Câu 15: Hoạt động ngoại thương nước ta từ sau Đổi mới đến nay có

- A. kim ngạch xuất khẩu luôn luôn giảm.
- B. hàng xuất khẩu chủ yếu là khoáng sản.
- C. thị trường ngày càng được mở rộng.
- D. quan hệ buôn bán duy nhất với EU.

Câu 16: Nội thương của nước ta hiện nay:

- A. có thị trường riêng rẽ ở mỗi nơi
- B. tập trung chủ yếu ở các vùng núi.
- C. chỉ duy nhất Nhà nước nắm giữ.
- D. có các mặt hàng rất phong phú.

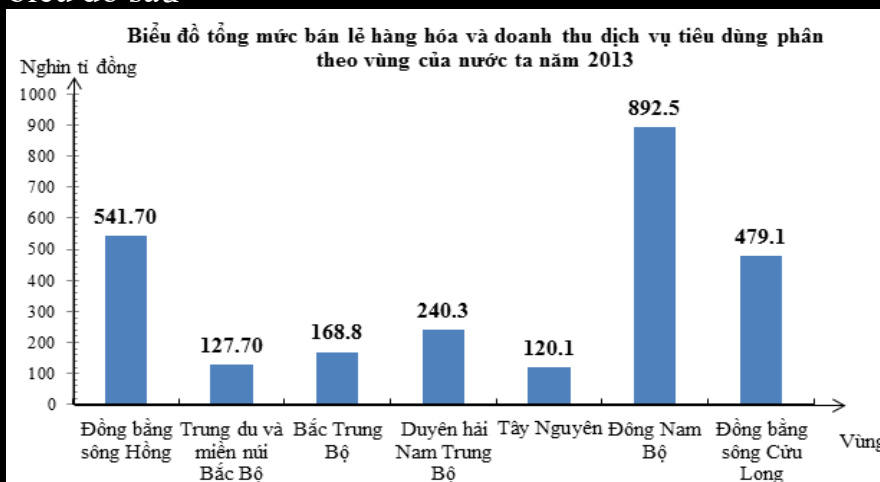
Câu 17: Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời ở nước ta hiện nay chủ yếu do

- A. nhu cầu sản xuất, đời sống đa dạng.
- B. cơ cấu dân số theo tuổi có thay đổi.
- C. các nguồn vốn đầu tư tiếp tục tăng.
- D. cơ sở hạ tầng được hoàn thiện hơn.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hai vùng có ngành thương mại phát triển nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

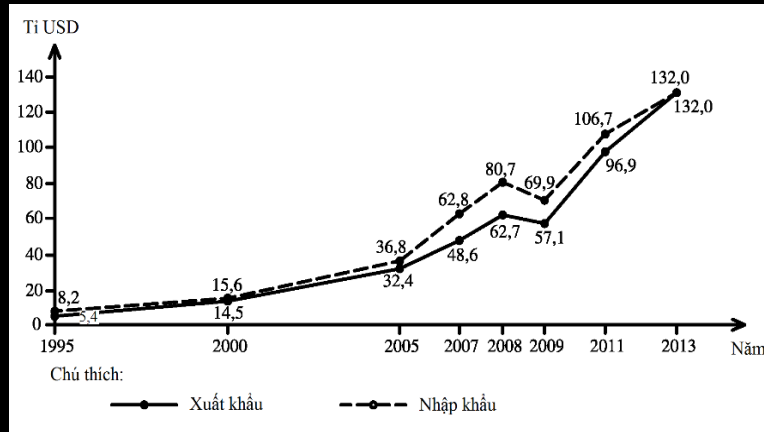
Câu 19: Cho biểu đồ sau



Căn cứ vào biểu, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng.

- A. tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các vùng là giống nhau.
- B. Đông Nam Bộ là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao nhất cả nước, gấp 8,3 lần vùng Tây Nguyên.
- C. Những vùng có mức sống cao thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cũng cao.
- D. Tây Nguyên có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao là do dân số ít.

Câu 20: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây đúng?

- A. Giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu không tăng trong giai đoạn trên.
- B. Giá trị xuất khẩu tăng 34,4 lần, từ năm 1995 đến năm 2013.
- C. Giai đoạn 1995 đến 2011, nước ta đều trong tình trạng nhập siêu.
- D. Giá trị nhập khẩu tăng được 26,1 lần, từ năm 1995 đến năm 2013.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

HS cần xem kỹ lý thuyết SGK trước khi tham khảo phần lý thuyết tóm lược và làm bài tập.

IV. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.
- B. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.
- C. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.
- D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định.
- B. Quảng Nam.
- C. Khánh Hòa.
- D. Ninh Thuận.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum. B. Lâm Đồng. **C. Đắk Lắk.** D. Gia Lai.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU VẬN TẢI HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA NĂM 2013 (Đơn vị: %)

Loại hình vận tải	Cơ cấu khối lượng hàng hóa	
	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	100,0	100,0
Đường sắt	0,6	1,7
Đường bộ	75,7	20,9
Đường sông	17,9	17,6
Đường biển	5,8	59,5
Đường hàng không	0,0	0,3

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- E. Đường bộ chiếm tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất là do cự li dài.
F. Đường biển chiếm tỉ trọng khối lượng hàng hóa luân chuyển cao nhất là do cự li dài
 G. Đường sắt luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cả khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển.
 H. Đường hàng không chiếm vị trí quan trọng trong khối lượng hàng hóa vận chuyển.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2005	12,8	1 173,4	156,9	6,5
2010	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2014	12,0	2 863,5	156,9	24,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số lượt hành khách vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Đường sắt tăng liên tục. B. Đường bộ có xu hướng giảm.
 C. Đường thủy giảm liên tục. **D. Đường hàng không tăng liên tục.**

Câu 6: Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Đường sắt.** **B. Đường bộ.** C. Hàng không. **D. Đường biển.**

Câu 7: Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng

luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

- E. vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn.
- F. có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.
- G. chở được những hàng hóa nặng, cồng kềnh.
- H. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.

Câu 8: Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

- A. hội nhập với mạng lưới quốc tế.
- B. phân bố đều ở các địa phương.
- C. có sự phát triển nhanh vượt bậc.
- D. áp dụng các thành tựu hiện đại.

Câu 9: Viễn thông nước ta hiện nay không phải là ngành

- A. có sự tăng trưởng với tốc độ cao.
- B chỉ tập trung phục vụ kinh doanh.
- C. sử dụng nhiều các công nghệ mới.
- D. có mạng lưới rộng rãi ở khắp nơi.

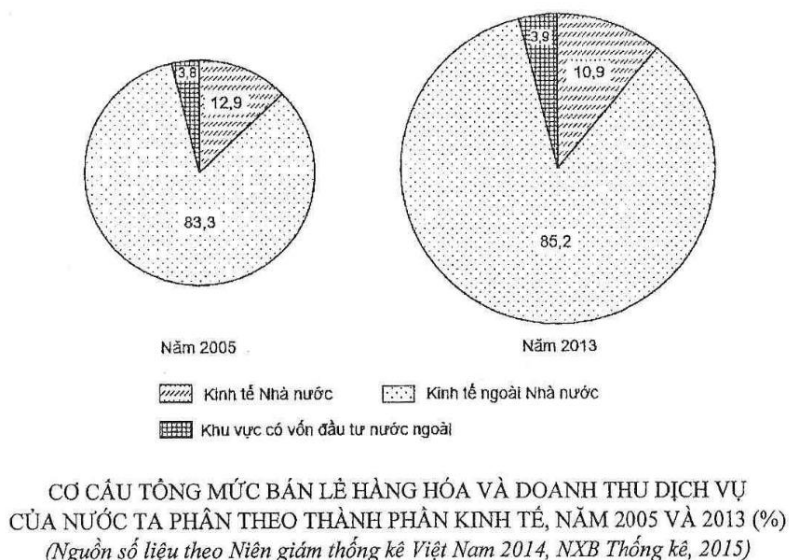
Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 6 đi qua địa điểm nào sau đây?

- A. Hà Giang.
- B Lào Cai.
- C. Mộc Châu.
- D. Nghĩa Lộ.

Câu 11: Nội thương của nước ta hiện nay

- E. đã thu hút được sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- F. chưa có sự tham gia của các tập đoàn bán lẻ quốc tế lớn.
- G. phát triển chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp Nhà nước.
- H. không có hệ thống siêu thị nào do người Việt quản lí.

Câu 12: Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ trọng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2013 so với năm 2005?

- E. Kinh tế Nhà nước giảm, Kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- F. Kinh tế ngoài Nhà nước và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.

G. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều tăng.

H. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, Kinh tế Nhà nước giảm.

Câu 13: Nội thương của nước ta hiện nay

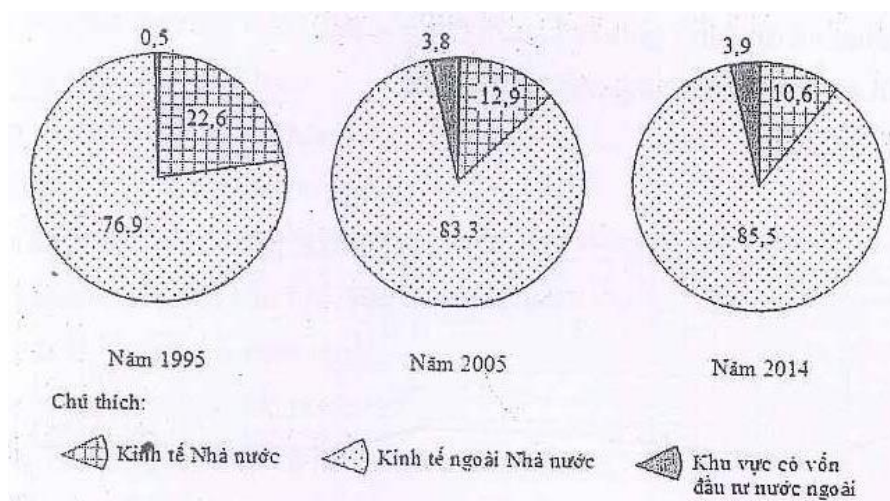
A. có thị trường chính ở các vùng núi.
nhiệm.

B. hoàn toàn do Nhà nước đảm

C. phát triển đồng đều giữa các vùng.

D. có các mặt hàng trao đổi đa dạng.

Câu 14: Cho biểu đồ:



Biểu đồ cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

E. Tỷ lệ bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các thành phần kinh tế giống nhau.

F. Thành phần kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất và có chiều hướng tăng.

G. Thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất và chiều hướng tăng.

H. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài tỉ trọng giảm liên tục.

Câu 15: Hoạt động ngoại thương nước ta từ sau Đổi mới đến nay có

A. kim ngạch xuất khẩu luôn luôn giảm.

B. hàng xuất khẩu chủ yếu là khoáng sản.

C. thị trường ngày càng được mở rộng.

D. quan hệ buôn bán duy nhất với EU.

Câu 16: Nội thương của nước ta hiện nay:

A. có thị trường riêng rẽ ở mỗi nơi

B. tập trung chủ yếu ở các vùng núi.

C. chỉ duy nhất Nhà nước nắm giữ.

D. có các mặt hàng rất phong phú.

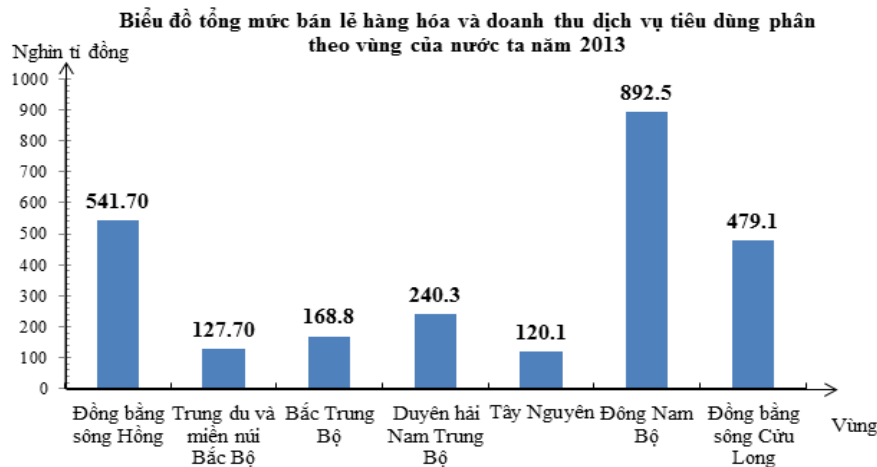
Câu 17: Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời ở nước ta hiện nay chủ yếu do

- A. nhu cầu sản xuất, đời sống đa dạng.
- B. cơ cấu dân số theo tuổi có thay đổi.
- C. các nguồn vốn đầu tư tiếp tục tăng.
- D. cơ sở hạ tầng được hoàn thiện hơn.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hai vùng có ngành thương mại phát triển nhất nước ta là

- E. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- F. **Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.**
- G. Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ.
- H. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

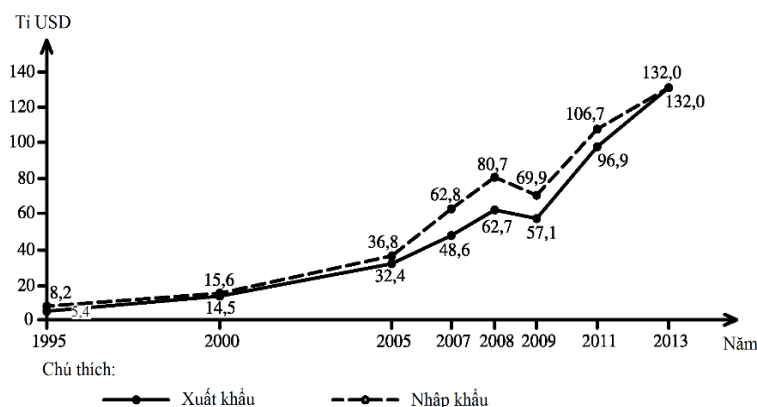
Câu 19: Cho biểu đồ sau



Căn cứ vào biểu, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng.

- E. tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các vùng là giống nhau.
- F. Đông Nam Bộ là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao nhất cả nước, gấp 8,3 lần vùng Tây Nguyên.
- G. **Những vùng có mức sống cao thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cũng cao.**
- H. Tây Nguyên có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao là do dân số ít.

Câu 20: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây đúng?

- E. Giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu không tăng trong giai đoạn trên.
- F. Giá trị xuất khẩu tăng 34,4 lần, từ năm 1995 đến năm 2013.
- G. Giai đoạn 1995 đến 2011, nước ta đều trong tình trạng nhập siêu.**
- H. Giá trị nhập khẩu tăng được 26,1 lần, từ năm 1995 đến năm 2013.

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.